| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 17/10/2019
*V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Hệ.
2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2019/TLST-KDTM ngày 25/3/2019 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18/9/2019, giữa:

**1.** ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP M.**

Địa chỉ: Số N phố HV, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đại T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên (Theo Văn bản số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP M).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đoàn Đình T2 - Chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên (Theo Văn bản số 129/UQ-BIDV.HY ngày 18/3/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên).

Ông T2 có mặt tại phiên tòa.

***2. Bị đơn:*** - **Ông Nguyễn Tuấn M**, sinh năm: 1980.
- **Bà Phạm Thị Th**, sinh năm 1980.

Đều trú tại: Tập thể M và Đ, đường LVL, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo ủy quyền của Ông M, bà Th: Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số LK, đường TQK, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2019).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**- Ông Hoàng Hữu T5,** sinh năm: 1958.

**- Bà Nguyễn Thị Thanh Nh**, sinh năm 1960.

Cùng HKTT: Số BM, đường TQT, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Cùng địa chỉ: Số LK, đường TQK, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo ủy quyền của Ông T5: Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1960 (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2019).

Bà Nh vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bầy:*

Ông Nguyễn Tuấn M và vợ là Bà Phạm Thị Th làm đơn xin vay vốn và được Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên (gọi tắt là Ngân hàng) chấp thuận cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670697/HĐTD ngày 25/2/2016. Số tiền vay theo hợp đồng là 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh long nhãn; thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực; Lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, sau đó thả nổi được điều chỉnh 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/5/2019; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng giữa Ông M và bà Th với Ngân hàng là: Quyền sử dụng 720m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 32 tại thôn TP, xã YP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, thuộc sở hữu của Ông Hoàng Hữu T5 và Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, theo GCNQSDĐ số BD 08647, số vào sổ cấp GCN: CH 00014, do UBND huyện YM, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/3/2011, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6706797/HĐBĐ ngày 19/01/2015 ký giữa bên thế chấp, bên được bảo đảm và Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông M và bà Th chỉ thanh toán được 10.000.000 đồng nợ gốc và một phần tiền lãi là 42.370.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và làm việc trực tiếp nhưng Ông M, bà Th không nghiêm túc thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng có đơn khởi kiện, Ông M và bà Th có 3 lần trả cho Ngân hàng vào các ngày 08/7/2019, 12/8/2019 và 06/9/2019, mỗi lần trả 5.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tính đến ngày 17/9/2019 Ông M và bà Th còn nợ Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên, theo Hợp đồng tín dụng số tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 136.452.222 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.147.222 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 677.599.444 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 18/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Do Ông M và bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Ông M, bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/9/2019 là 677.599.444 đồng và tiền lãi vay, lãi phạt chậm trả phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 18/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

- Trong trường hợp Ông M, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ông M, bà Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Ông M, bà Th phải chịu toàn bộ án phí.

*Theo biên bản lấy lời khai và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thanh Nh trình bầy:*

Bà Nh và Ông Hoàng Hữu T5 là vợ chồng. Giữa vợ chồng Bà Nh với vợ chồng anh Nguyễn Tuấn M, chị Phạm Thị Th có quan hệ họ hàng. Khi cần bổ sung vốn kinh doanh long nhãn, Bà Nh có nhờ anh M, chị Th đứng tên vay Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất cho vay 10% năm, sau đó điều chỉnh thả nổi theo Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay này, Bà Nh và Ông T5 đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6706797/HĐBĐ ngày 19/01/2015, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 720m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 32 tại thôn TP, xã YP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Hoàng Hữu T5 và Nguyễn Thị Thanh Nh. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng PC, tỉnh Hưng Yên.

Trong quá trình sử dụng vốn, anh M và chị Th đã thanh toán được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.370.000 đồng tiền lãi. Sau đó do làm ăn thua lỗ, vợ chồng Bà Nh không đưa tiền để anh M, chị Th trả cho Ngân hàng nữa. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh M, chị Th phải thanh toán trả tiền nợ gốc và tiền lãi, Bà Nh không có ý kiến gì. Do anh M và chị Th không trả được nợ nên vợ chồng Bà Nh nhận trả thay, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đối với tiền lãi, do không có khả năng trả nên bà Nh đề nghị ngân hàng xem xét. Đối với tài sản bảo đảm mà vợ chồng bà Nh đã thế chấp cho Ngân hàng, sau 02 năm nếu vợ chồng Bà Nh không trả được hết số tiền nợ gốc thì đề nghị Ngân hàng phát mại để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Người được ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử, ngày 09/10/2019 Ông M và bà Th đã trả thêm 5.000.000 đồng, vì vậy số tiền nợ gốc còn là 470.000.000 đồng.

- Người được bị đơn ủy quyền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Nh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H□ng Yên chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 299, 301, 302, 304, 319, 320, 326, 466 của Bộ luật đân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 điều 26 mục I, điểm 1, 2 khoản 1 mục II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP M. Buộc Ông M, bà Th phải trả cho Ngân hàng TMCP M tính đến ngày 17/10/2019 các khoản nợ sau: nợ gốc là 470.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 140.399.444 đồng, nợ lãi quá hạn: 68.120.833 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 678.520.277 đồng. Ngoài ra phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP M trên số dư nợ chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670697/HĐTD ngày 25/2/2016, thời hạn trả kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6706797/HĐBĐ ngày 19/01/2015 để thu hồi nợ. Tài thế chấp gồm: Quyền sử dụng 720m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 32 tại thôn TP, xã YP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, thuộc sở hữu của Ông Hoàng Hữu T5 và Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, theo GCNQSDĐ số BD 08647, số vào sổ cấp GCN: CH 00014, do UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/3/2011.

Trong trường hợp tài sản sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ông M, bà Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Ông M, bà Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngân hàng TMCP M khởi kiện yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Tuấn M và bà Phạm Thị Th có địa chỉ: Tập thể M và Đ Hưng Yên, đường LVL, phường AT, thành phố H trả nợ gốc, lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp Hợp

đồng tín dụng nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

Người được bị đơn ủy quyền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thanh Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nh theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về yêu cầu thanh toán trả nợ gốc và lãi suất:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định năm 2016, Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th đã ký kết với Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670697/HĐTD ngày 25/2/2016 với tổng số tiền cho vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, sau đó thả nổi được điều chỉnh 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/5/2019, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Xét Hợp đồng tín dụng giữa các bên đã được lập thành văn bản, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật, mục đích và nội dung các bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hợp đồng tín dụng này hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Hưng Yên đã giải ngân theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Đối với Ông M, bà Th chỉ thanh toán được một phần tiền nợ gốc và lãi suất, sau đó để quá hạn không thanh toán được. Do vậy Ông M, bà Th đã vi phạm Hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng khởi kện yêu cầu Ông M, bà Th phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

Theo Bà Nh thì vợ chồng Bà Nh, Ông T5 là người sử dụng khoản tiền vay nên vợ chồng Bà Nh sẽ trả thay nợ thay cho Ông M, bà Th. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay ngày 29/02/2016 thì sau khi giải ngân, Ngân hàng đã kiểm tra và xác định Ông M, bà Th sử dụng vốn vay đúng mục đích, không có căn cứ chứng minh Bà Nh, Ông T5 sử dụng vốn vay.Trong quá trình giải quyết vụ án giữa ngân hàng, bên vay, bên thế chấp không có thỏa thuận nào khác về người trực tiếp trả nợ. Do vậy quan điểm của Bà Nh về việc trả nợ thay cho Ông M, bà Th là không có căn cứ.

Theo bản tính lãi của Ngân hàng, tính đến ngày 17/10/2019 Ông M, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền như sau:

+ Nợ gốc: 470.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 140.399.444 đồng;

+Nợ lãi quá hạn: 68.120.833 đồng;

Tổng nợ: 678.520.277 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về lãi vay, lãi phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký, quá trình giải quyết các bên không có thỏa thuận nào khác về lãi suất phát sinh. Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Ông M và Thùy phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6706797/HĐBĐ ngày 19/01/2015 thì Ông Hoàng Hữu T5 và Bà Nguyễn Thị Thanh Nh đã thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Ông M, bà Th. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 720m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 32 tại thôn TP, xã YP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, thuộc sở hữu của Ông Hoàng Hữu T5 và Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, theo GCNQSDĐ số BD 08647, số vào sổ cấp GCN: CH 00014, do UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/3/2011.

Việc thế chấp trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản, nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp, đã được công chứng và bên thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Do vậy hợp đồng thế chấp này có hiệu lực thi hành.

Tại Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận trong trường hợp Ông M, bà Th không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

Trong trường hợp tài sản sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ông M, bà Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông M, bà Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên sẽ được hoàn trả số tiền tạm úng án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Các vấn đề khác:

Đối với khoản tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, do Ngân hàng không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

*Bởi các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 318, 319, 320, 323, 385, 463, 466, 468, 470; 688 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP M.

2. Buộc Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP M số tiền còn nợ tính đến ngày 17/10/2019, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670697/HĐTD ngày 25/2/2016 là 678.520.277 đồng (trong đó dư nợ gốc: 470.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 140.399.444 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.120.833 đồng).

3. Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP M trên số dư nợ chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670697/HĐTD ngày 25/2/2016, thời hạn trả kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Trong trường hợp Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6706797/HĐBĐ ngày 19/01/2015 để thu hồi nợ. Tài thế chấp gồm: Quyền sử dụng 720m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 32 tại thôn TP, xã YP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, thuộc sở hữu của Ông Hoàng Hữu T5 và Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, theo GCNQSDĐ số BD 08647, số vào sổ cấp GCN: CH 00014, do UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/3/2011.

Trong trường hợp tài sản sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ông M, bà Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Tuấn M và Bà Phạm Thị Th phải chịu 31.141.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.085.000 *(Mười năm triệu không trăm tám mươi năm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000327 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***
- *VKSND TP. H;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *TAND tỉnh H;*
- *THA dân sự TP H;*
- *L- u hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Thị Lý***